

## MỘT GÓC VĂN HÓA TÀY - NÙNG TRONG TẢN VĂN Y PHƯƠNG

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

**Tóm tắt:** Văn hóa các dân tộc trên đất nước Việt Nam là chủ đề lớn được nhiều nhà văn quan tâm. Viết về văn hóa một dân tộc vừa là cách tham gia bảo tồn vừa thể hiện trách nhiệm của người cầm bút đối với đất nước. Nhà thơ Y Phương xem tản văn như “chiều nghỉ giữa khoảng thơ” nhưng chính những tản văn viết về văn hóa quê hương ông đã đem đến cho người đọc thêm một kênh nhận diện bản sắc văn hóa Tày Nùng.

**Từ khóa:** Tản văn của Y Phương, văn hóa Tày, Nùng, lễ tết, ẩm thực, tín ngưỡng.

Nhận bài ngày 10.4.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 23.5.2023

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thanh Huyền; Email: huyenntt@daihocthudo.edu.vn

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viết về các giá trị văn hóa truyền thống của một vùng miền dọc chiều dài đất nước là dòng cảm hứng đã có trong những sáng tác đầu thế kỷ XX tới nay. Chỉ có điều văn hóa phong tục của một vùng đất trong tản văn thế kỷ XX được các nhà văn viết trong tâm thế người nghệ sĩ trải nghiệm nên chất liệu được lọc lựa, văn phong chăm chút, tản văn lúc đó tựa như những phim ngắn giàu thẩm mỹ từ hình ảnh tới xúc cảm. Đầu thế kỷ XXI, các nhà văn viết trong tâm thế quan sát, suy ngẫm, phản ánh trung thực nên mỗi tản văn đều có thể tái hiện được đồng thời từng góc nhỏ của đời sống bộn bề, những nét văn hóa riêng của từng vùng đất và cả những vương vấn suy tư, trăn trở của người viết về các giá trị văn hóa hòa trong đời sống đó.

Y Phương tên đầy đủ là Hứa Vĩnh Sước (24/12/1948 – 09/02/2022) là một nhà thơ, nhà văn. Ông sinh trưởng trong một gia đình dân tộc Tày và được gọi là “Người trai làng Hiếu Lễ” vì Y Phương sinh ra tại làng Hiếu Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Phần lớn văn nghiệp của Y Phương là thơ song có một góc nhỏ, ông giành cho tản văn – nhưng bài tản văn nhỏ xinh đậm màu văn hóa Tày. Đọc các tập tản văn *Tháng giêng - Tháng giêng... một vòng dao quắm*, *Kungfu người Co Xàu*, *Fìn Nèn – Cui tết* của Y Phương giống như được trải nghiệm chuyến đi băng qua vùng văn hóa Tày cực kỳ phong phú và hấp dẫn. Thấp thoáng sau những trang viết say mê, tự hào về văn hóa quê hương mình là nỗi lo lắng mơ hồ về sự mai một, đổi thay, thậm chí là biến mất một giá trị văn hóa nào đó. Mà sự biến mất ấy, với Y Phương, là sự mất mát lớn lao không có cách nào cứu vãn. Hóa ra việc ghi chép lại những suy nghĩ tản mạn

về một nét văn hóa quê mình không đơn thuần là viết bài theo đơn đặt hàng của chuyên mục văn hóa cho một tờ báo như nhà thơ từng chia sẻ, mà sự viết ấy thực thi trách nhiệm lưu giữ chút gì đó văn hóa quê mình bằng ngôn ngữ. Để “*mai sau dù có bao giờ...*”, một góc văn hóa Tày chỉ còn là “*vang bóng một thời*” thì người đọc vẫn biết rằng người Tày Nùng trên đất Cao Bằng đã từng sở hữu những nét văn hóa độc đáo.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Văn hóa “người đồng mình” có gì thú vị?

Trong một bài thơ nổi tiếng được chọn giảng dạy ở trường phổ thông, nhà thơ Y Phương viết:

*“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương  
Còn quê hương thì làm phong tục”<sup>1</sup>*

Y Phương gọi những người đồng hương của mình là “người đồng mình” – những người sống trên cùng một vùng đất, được sinh - dưỡng trong cùng một không gian, một miền văn hóa. Cụ thể là những con người trên vùng đất Cao Bằng và văn hóa Tày Nùng do họ kiến tạo. Thực tế, Cao Bằng là vùng đất đa sắc màu văn hóa, bên cạnh dân tộc Tày còn có dân tộc Nùng, Dao, Mông, Sán Chay, Lô Lô, Kinh,... Tuy nhiên, người thuộc dân tộc Tày và Nùng chiếm giao diện lớn nhất, văn hóa người Tày, Nùng trên đất Cao Bằng cũng vì thế mang tính vượt trội so với mảng màu văn hóa các dân tộc khác. Nói về văn hóa Tày Nùng trên đất Cao Bằng phải nhắc tới sự độc đáo ở văn hóa ở, ăn và văn hóa tinh thần tiềm ẩn trong mỗi con người – những di sản sống của văn hóa. Y Phương tự sự: “*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*” làm người đọc liên tưởng tới những ngôi nhà sàn làm bằng đá và tục thờ thần đá độc đáo. Người Tày Nùng sinh sống ở Trùng Khánh đã tận dụng đá tự nhiên để dựng lên những bức tường đá một cách kiên cố. Những ngôi nhà cũng được làm bằng đá, chắc chắn như một pháo đài. Tương truyền những ngôi nhà sàn bằng đá đã có từ thời nhà Mạc lên vùng đất Cao Bằng xây thành quách để phòng thủ. Trên bản đồ văn hóa Cao Bằng, làng Khuổi Ky tiêu biểu cho tinh thần “*đục đá kê cao quê hương*” theo cả nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn. Người ở đây thực sự phải “đục đá” để xây dựng nơi trú ngụ, với họ, đá núi là trở ngại, là bạn, là sự gắn bó đồng hành suốt cuộc đời, là môi sinh không thể tách rời,... họ gạt đi thái độ thách thức của tạo hóa, họ tìm cách làm bạn và hòa đồng với tự nhiên để sống, nhờ đó, trở ngại thành nền mọc lên những ngôi nhà trên đá. Từ bao đời xưa tới giờ, những ngôi nhà sàn cổ vẫn giữ được vẻ đẹp nguyên khôi, mang dáng dấp cổ xưa, tạo nên nét cổ kính, nhuộm màu huyền thoại cho ngôi làng vùng biên viễn. Giữa không gian bao la, những ngôi nhà sàn đá vững chãi, bền bỉ, bao bọc, chở che những cư dân hiền lành, chất phác. Nhưng hiểu theo cách khác, những ngôi nhà sàn bám núi chênh vênh thành nét riêng trong văn hóa kiến trúc của người Tày Nùng trên Cao Bằng, là cơ sở hình thành tín ngưỡng. Người Tày Nùng ở Khuổi Ky còn có tín ngưỡng thờ đá. Đá trong tâm tưởng của họ thiêng liêng như một vị thần giúp che chở những khắc nghiệt của thiên nhiên, trong tâm thức người Tày Nùng “thần đá” vẫn gắn bó và tồn tại trong ý niệm, hình thành các lễ hội.

Người Tày Nùng còn tạo ra những tâm hộ chiếu văn hóa cho riêng mình nhờ những lễ hội truyền thống mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, độc đáo. Gắn liền với Tết Đắp Nọi, Thanh Minh, Đoan Ngọ, Rằm tháng Bảy,... của người Tày Nùng là những giá trị độc đáo trong văn hóa ẩm

<sup>1</sup> *Nói với con*, Y Phương, <https://www.thivien.net>

thực, cách phục sức; những nghi thức tín ngưỡng, niềm tin và cách họ lý giải về niềm tin hết sức triết học, thú vị. Mỗi tản văn của Y Phương được xem là sự nghiên cứu và lưu lại văn hóa của “người đồng mình” trong tâm thế thông thả, nhàn nhai. Tưởng như khi đặt bút viết, nhà văn vừa nhớ, vừa ngắm ngời chất lọc, vừa tự hào một cách khiêm nhường về vùng đất mình được sinh ra. Mặc dù mỗi tập tản văn của Y Phương cũng gói ghém gần 40 bài, hơn 200 trang sách nhưng bộ nhớ đó rất nhỏ so với dung lượng văn hóa lớn và sâu của người Tày Nùng được ghi nhận kể từ khi Cao Bằng trở thành một phần của lãnh thổ Việt Nam từ năm 1039. Vì thế, bài viết này chỉ điềm lại một góc văn hóa Tày Nùng xuất hiện một cách gợi cảm trong mấy tập tản văn Y Phương cho xuất bản đầu thế kỷ XXI.

## 2.2. Phong tục truyền thống, tín ngưỡng tâm linh và tập tục sinh hoạt của người Tày Nùng trong tản văn của Y Phương

Những năm đầu thế kỷ XXI, đời sống sinh hoạt tinh thần của con người Việt Nam sôi động hẳn lên bởi nhu cầu được đi và trải nghiệm những vùng văn hóa ngoài không gian sống quen thuộc của mỗi người. Xu hướng khám phá văn hóa vùng cao khiến văn hóa du lịch phát triển, kéo theo là hội họa, nhiếp ảnh, âm nhạc, tản văn về bức tranh cảnh sắc thiên nhiên và văn hóa phong tục miền núi có dịp bùng nổ. Tản văn hiện đại viết về lễ hội (cả truyền thống lẫn hiện đại), khơi lại vẻ đẹp của những lễ nghi truyền thống như một cách thức dấy tinh thần tôn trọng văn hóa dân tộc; đồng thời người viết cũng không né tránh thực tế các giá trị văn hóa truyền thống ở các lễ hội đang dần bị mai một, cách mà hiện tại đang thực hành nghi lễ quá xa mẫu gốc, khiến tư tưởng, quan niệm hạt nhân nguyên thủy còn lại không đáng kể.

Khó có người nào vượt qua được nhà văn Y Phương ở khả năng thức dậy tinh thần ngày Tết rực rỡ màu sắc của đồng bào vùng cao. *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm, Fừn Nèn – Cúi tết, Kungfu người Co Xàu* – bộ ba tản văn của ông đặc sắc không khí văn hóa Tày Nùng. Y Phương có vô cùng nhiều ký ức được đặt vào các tản văn mô tả bức tranh văn hóa Ngày Tết anh cả (Tết Nguyên Đán) đậm nét sắc màu vùng cao: mâm quả Còn nhiều màu sắc; các phiên chợ Co Xàu, Thông Huề, Pò Tầu, Pác gà, Tà Lịnh,... chỉ nghe tên đã đủ kích thích sự tò mò háo hức được trải nghiệm; những chum rượu gạo, rượu ngô “*phình phàng ngát ngưỡng*” bày từ sáng sớm đến chiều tà với “*cả tá lão ông, lão bà nhào nhoét như bùn*” vì say mèm; tiếng lợn eng éc bị mổ giữa một màu khói trắng; những nạng dâu mới (pỉ lùa, pỉ nạng). Người đồng bằng có lệ đêm Giao thừa tắm nước lá mùi già thơm tẩy bụi trần để sẵn sàng một sự thơm tho sạch sẽ đón chào năm mới thì ở đây, người Tày Nùng trên đất Cao Bằng lại có lệ sáng mừng một, nhà nào cũng cắm cành bưởi lên hai bên cánh cửa để trừ tà. Đun một nồi nước lá thơm, xông hương ban thờ. Nét độc đáo của văn hóa Tày nằm ngay trong những khái niệm: *nèn chiêng* (ngày đầu năm mới), *kin nèn* (ăn tết); *cuối vàng* (chuối trâu); các loại bánh *khẩu sli*, *pêng phạ*, *lau cau*; *khau lôm* (lá dùng để tắm); người ta chúc người già *slônglàu chau ké*; những *mu ót* (lợn ỷ) hay *mu sláy* (lợn bột), *nựa lạp* (thịt hun khói), *phúng xàng* (lạp xưởng), *lăng goòng* (bánh sấm). Những trang văn miêu tả lễ hội từ mùa Xuân tới mùa Thu, vắt qua mùa Đông và kéo sang mùa Hạ phong phú vô cùng: Tết cả, Tết thanh minh, Tết Slip Sli thịt vịt, Tết Hạ chí, Tết trâu, Tết côm,... Mà cái tết nào của người Tày Nùng cũng lạ lẫm, thú vị, hấp dẫn với người đọc thuộc vùng văn hóa đồng bằng vốn mang sẵn cái háo hức được “phượt”, trải nghiệm những điều mới mẻ ở những vùng đất xa xôi của Tổ quốc. Chẳng hạn “Tết Rằm tháng Bảy chúng tôi còn mổ vịt.

*Bươn chết kin nựa pết* nghĩa là tháng Bảy ăn thịt vịt. Chọn những con vịt béo nhất đàn. Một con dành để cúng tổ tiên. Một con cũng hồn ruộng lúa. Một con cúng vía trâu bò. Một con dành hẳn cho trẻ chăn trâu, mang theo ra đồng cỏ. Đứa nào cũng phải ăn bằng hết. Nếu để thịt vịt thừa, hồn sẽ bắt trâu bị lở mồm long móng. Phần vịt để tiếp khách thì cứ mỗi mâm ba chú...<sup>2</sup>. Lễ cúng tạ ơn trời đất cho mùa màng tươi tốt trong những dịp lễ lớn vốn là phong tục đẹp của người vùng cao, vào ngày Rằm tháng Bảy, “khi đã có hạt lúa mới về nhà, người Dao bắt đầu làm bánh dày bằng cum lúa nếp đầu tiên vừa mang từ bên kia sông về. Nếp nương làm bánh dày phả ra mùi hương thơm đặc quánh, ngọt lịm. Sau một đêm thùm thụp tiếng chày giã bánh, sang sớm, các nhà người Tày dưới thung lũng mở cửa ra thế nào cũng thấy một hai chục bánh dày, gói trong lá dong, treo ngay trên cánh cổng. Không biết ai cho và cũng không biết túi bánh treo ở đây từ lúc nào, nhưng bánh vẫn còn mềm, trắng muốt trong lá gói xanh biếc”<sup>3</sup>.

Ở Việt Nam, lễ hội, tết, tín ngưỡng và tôn giáo có mối quan hệ gắn bó, giao hòa với nhau. Văn hóa tâm linh, tín ngưỡng của người Việt là đức tin chân thành đối với người đã khuất. Người vùng xuôi cũng như vùng cao, chọn Tết tảo mộ làm dịp thể hiện tưởng nhớ của người sống với người đã khuất. Với người Tày, “đó là ngày mở cửa mồ. Người dương gặp lại người âm, trong niềm nhớ thương vô hạn. Người âm hiện hồn lên phù hộ độ trì, ban bố phúc lộc cho người dương”. Viết về văn hóa tâm linh, tản văn Y Phương thường sử dụng những hình ảnh mang tính huyền thoại hoặc giải thích với sắc màu thần thoại của người dân tộc thiểu số. Nhưng sức thuyết phục thực tế nằm ở cách ông sử dụng đúng giọng điệu, thói quen ngôn ngữ, thói quen tư duy của người bản địa để kể về những câu chuyện bộc lộ niềm tin tâm linh của họ. *Chuyện ma gà* chẳng hạn. Y Phương kể chuyện bé gái năm tuổi, bố mẹ đều là người Kinh mà một ngày kia tự nhiên nói tiếng Nùng Giang trôi chảy, rõ ràng, mạch lạc dù đó là thứ tiếng khó nghe, khó nói vì tiếng Nùng Giang “lúc mềm như nhúng nước. Lúc cương như sừng trâu húc tung tổ mối”. Nói xong thì đòi về nhà, mà nhà đó lại không phải ngôi nhà bé gái đang ở với cha mẹ mình. Hai cha con đuổi bắt nhau “từ nhà đến Kéo Lồm, từ Kéo Lồm lại về Phja Phủ. Hai cha con đuổi bắt nhau hết cả buổi trăng mà không tài nào bắt được”. Cuối cùng thì đưa bé đổ gục trước cửa nhà, miệng thổ vũng máu và chết. Người dân tin đó là do ma gà làm. Nhà văn “hoàn toàn không tin”, ông cho đó là “điều nhảm nhí” nhưng vẫn phải thừa nhận thực tế niềm tin mạnh mẽ của người dân về lời đồn “từ đời này sang đời khác, lời đồn không chịu mục nát (...). Nó thổi từ tai nọ sang tai kia. Nó truyền từ miệng người này, nhà sang miệng người khác...”<sup>4</sup>

Y phương còn có những tản văn giới thiệu tín ngưỡng thú vị của người Tày. Chẳng hạn Tết vía trâu - cái tết thể hiện lòng biết ơn của con người đối với con vật: “Người Tày Nùng vốn coi trọng nghĩa tình. Ăn lộc của ai phải biết ơn người ấy. Ăn lộc từ thiên nhiên người phải biết ơn cây cỏ. Huống chi trâu là bạn nhà nông. Nên bà con dành hẳn cho trâu một cái tết”. Vậy là sau ngày 6 tháng 6 âm lịch hàng năm, “người và trâu bò được hoàn toàn nghỉ ngơi. Cày bừa lau rửa sạch, treo lên vách. Cốc, xẻng, dao phát cỏ được lau chùi hết bùn đất, bôi mỡ trần chống rỉ, đưa chúng lên gác bếp. Chuẩn bị cho vụ mùa sau. Trâu bò được thả lên rừng (...) được tự do

<sup>2</sup> Y Phương (2009). *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm*. Nxb. Phụ nữ, tr.113.

<sup>3</sup> Y Phương (2010). *Kungfu người Co Xâu*. Nxb. Phụ nữ, tr.98.

<sup>4</sup> Y Phương (2009). *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm*. Nxb. Phụ nữ, tr.27-29.

rong chơi cả tháng. Chúng vừa gặm cỏ vừa nghe suối rùng rờ rờ tựa hát”<sup>5</sup>. Đó hẳn là một niềm tin mang đậm dấu ấn văn hóa nông nghiệp mà ý nghĩa của cái tết phản ánh lối sống trọn vẹn, tính cách hiền lành, chất phác của người Tày. Những tản văn của Y Phương không chỉ dừng lại ở sự hồi cố về văn hóa xứ mình như một nỗ lực lưu giữ bản sắc văn hóa của “người đồng mình”. Sau mỗi ký ức, ẩn hiện những băn khoăn về sự mất mát dần sự tồn tại của những lễ nghi nguyên thủy. Ông đau xót nhớ về lễ tế Thần Nông linh đình của hai làng Hiếu Lễ, Tà Thanh vài ba chục năm về trước những cũng ý thức một ngày không xa, sẽ không còn ngày tế Thần Nông bên nhau ăn uống vui vẻ. Như thế, một lễ tế mang ý nghĩa tốt đẹp có từ bao đời sẽ bị cuộc sống mới nhấn chìm vào biển lãng quên, để lại bao ngơ ngác cho lớp người từng được trải nghiệm không gian sinh hoạt văn hóa hồn nhiên và chứa chan hy vọng rằng cuộc sống về sau sẽ vẫn mãi tốt đẹp.

Nói về tập tục sinh hoạt thực chất nói về câu chuyện cái ăn, cái mặc, thú chơi. Chẳng đợi tới tản văn hôm nay, rất nhiều tác phẩm văn học trước đó đã viết về nhu cầu muôn thuở, căn bản của con người. Nhưng tản văn đầu thế kỷ XXI chọn cách tiếp cận riêng. Một món ngon, một thú chơi, thói quen trang phục,... chỉ là một tứ, là cách đặt vấn đề để người viết dẫn người đọc ngược về quá khứ hoặc xuôi tới tương lai, sống trong cảm xúc của nỗi nhớ thiết tha hoặc bồn chồn lo âu về sự biến mất. Cuối cùng vẫn trở về vấn đề văn hóa, bản sắc văn hóa, ý thức trách nhiệm trong việc gìn giữ và cách tân văn hóa. Văn hóa ẩm thực Việt Nam phong phú bởi nó là sự cộng hưởng của nét riêng độc đáo ẩm thực nhiều vùng miền, có thể cảm nhận sự phong phú đó trong tản văn hôm nay. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, tản văn chẳng khác những bài tùy bút, bút ký hay phóng sự ẩm thực đường phố và nó cũng chỉ là phần lời thuyết minh cho một video quảng bá cho món ăn mà chúng ta bắt gặp vô số trên mạng xã hội. Tản văn có lượng độc giả trung thành một phần vì những món ăn trong mỗi trang văn chỉ là điểm tựa để đẩy bật lượng cảm xúc nhân văn của người viết, sau đó là sự lan tỏa cảm xúc đến người đọc. Người đọc vừa nhận lấy những thông tin vị giác vừa tràn ngập xúc cảm. Vẻ đẹp của đề tài về văn hóa ẩm thực trong tản văn đầu thế kỷ XXI đã thoát khỏi giới hạn miêu tả thông thường khiến người đọc thấy thêm yêu cuộc sống, biết trân quý những điều bình dị và thêm tự hào về văn hóa dân tộc. Nhà thơ Y Phương giới thiệu văn hóa ẩm thực vùng cao như một “vị đại sứ” của văn hóa Tày. Chính ông cũng khẳng định văn hóa ẩm thực Cao Bằng “đóng góp một phần quan trọng, làm nên diện mạo riêng biệt văn hóa Tày Nùng” (*Ấn cái tình*)<sup>6</sup>. Cái thú mà tản văn của Y Phương đem lại cho người đọc rất thực. Chẳng cần là kẻ háu ăn thì cứ đọc rồi tưởng tượng, thấy mình như đang lạc vào phiên chợ ẩm thực “sừng sực khói” của người vùng cao. Đây thì vịt quay, phở chua, bánh áp chảo, xôi ngũ sắc, chân giò hầm hạt dẻ, thịt bò xào rau dạ hiến, bánh cuốn nóng, thịt ba chỉ *nằm khâu*,... Cái cách Y Phương miêu tả sự ra đời của món ăn cho tới lúc người ta thưởng thức trong mãn nguyện còn gọi cảm hơn cả tên món ăn. Đây là chiếc bánh cuốn Cao Bằng: “Lá bánh cuốn cất tiếng thở khoan thai như người. Khi cánh tay cô chủ quán nhíp nhàng trải bánh ra, đặt nhân thịt vào, người ta thấy tiếng bột gạo kêu thóp thếp. Cô chủ quán đặt chiếc bánh nhẹ nhàng như cắm bông hoa vào lọ (...). Bày bánh nóng nằm duỗi chân trên đĩa sứ. Bánh hỏn hỏn run rẩy, đợi nước dùng mức ra bát (...). Lát nữa, bánh sẽ tưới tắm trong bát nước canh. Rắc lên trên một

<sup>5</sup> Y Phương (2016). *Fìn Nèn – Cùi tết*. Nxb. Phụ nữ, tr.61-62.

<sup>6</sup> Y Phương (2010). *Kungfu người Co Xâu*. Nxb. Phụ nữ, tr.57.

chút mùi tàu thái chỉ. Bạn lắng nghe nhé. Cả lũ bánh đang bì bõm sượng...” (*Ăn cái tình*)<sup>7</sup>. Còn đây là món bánh áp chao – thứ bánh bột nếp bọc thịt vịt chiên trứ danh của Cao Bằng. Người ta “cho miếng thịt vịt tằm thật kĩ trong bột nếp ướt, đặt vào lòng cái chao hình hoa cúc, rồi thả xuống chảo dầu. Chảo dầu sôi lăn tăn, gặp bột nếp có chứa bọt khí, lập tức chúng nở lều xèo, nổ tí tách làm dầu bắn tóe loe (...). Bánh thả xuống, chỉ đúng một phút sau là chín giòn... bắc bánh ra, để vào bát dấm đường. Rắc thêm mấy nhánh tỏi, vài sợi đu đủ xanh thái chỉ đã ướp kĩ, với mấy cọng rau mùi. Thực khách chum môi phù phù thổi, xuýt hà, cắn một cách đầy sung sướng” (*Ăn bánh áp chao mà nhìn thấu ruột*)<sup>8</sup> ... Không giống những người viết về ẩm thực như một đối tượng nghiên cứu của văn hóa, người viết tản văn không đơn thuần mô tả món ăn, uống mà còn nhận diện đặc tính con người, nét riêng một vùng đất ẩn thân trong khẩu vị. Chuyện ăn bánh cuốn ra tính cách, “người Cao bằng là thế, lúc nào cũng nồng nhiệt. Nồng nhiệt với công việc. Nồng nhiệt và thủy chung với bạn bè. Không bao giờ phản thù, không bao giờ làm ăn gian dối. Cứ thật thà như dao Phúc Sen, như cây củi nghiên Nà Bao. Cháu mãi mà không lui. Chém chặt cả đời mà không cùn...” (*Ăn cái tình*)<sup>9</sup>. Hơn thế, người viết một món ăn, một lễ hội còn gửi gắm những đau đáu thương nhớ vào các phong tục độc đáo, nhất là ngày tết, nhờ vậy, người đọc nhận ra niềm tự hào chính đáng và khát vọng bảo tồn những giá trị tốt đẹp của văn hóa độc đáo của người vùng cao trong thời kỳ hội nhập và giao lưu quốc tế. Về cơ bản, ý tứ suy ngẫm trong tản văn của Y Phương sau này vẫn giữ nguyên tư tưởng cốt lõi nhà thơ đã tự dặn lòng mình từ trước đó, rằng dù thế nào vẫn phải giữ được văn hóa truyền thống của một cộng đồng bao gồm những con người tuy “...*thô sơ da thịt*” nhưng “*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*” (*Nói với con*).

### 2.3. Một số yếu tố hòa hợp cao độ trong cách Y Phương viết về văn hóa Tày Nùng

Trước hết là sự giao thoa trong ngôn ngữ diễn đạt. Về mặt ngôn ngữ học, Y Phương là trường hợp đặc biệt sử dụng loại ngôn ngữ hỗn hợp giữa Kinh và Tày, có lẽ sau Nguyễn Tuân, ông là nhà văn dùng nhiều từ láy, nhiều từ tượng thanh đạt đến mức tinh tế, gọi được sự sống xôn xao chỉ qua ngôn hình đơn sắc. Nhà thơ Y Phương miêu tả bánh cuốn nướng, đặc sản của Cao Bằng: “Hãy lắng nghe. Hình như có tiếng ban mai *róc rách* trong miệng nôi. Nước đang *âm i* sôi và xương ống đang *khe khẽ* nát. Lát nữa, bánh sẽ tưới tắm trong bát nước canh. Rắc lên trên một chút mùi tàu thái chỉ. Bạn lắng nghe nhé. Cả lũ bánh đang *bì bõm sượng*”... Bao trùm tập tản văn *Tháng giêng, tháng Giêng một vòng dao quắm* là trái tim khê khàng của tác giả muốn được băng khuâng cùng cốt cách người Tày thấp lửa truyền đời được diễn giải qua phương ngữ chỉ đọc lên đã thấy hình ảnh người Tày không thể lẫn: “Nhà rách, vách nát, áo ngắn, quần vá, nhưng chủ nhân lại đầy một bụng chữ. Chữ nào cũng lạnh lặn. Chữ nào cũng *núc ních* béo tròn phúc hậu. Những con chữ đưa tay ra cứu vớt người”.

Sau đó là sự hòa hợp ở biểu tượng được chọn và nỗi lòng hướng về nguồn cội. Đọc tản văn Y Phương sẽ bắt gặp nhiều lần biểu tượng núi đá. Xét về ý tứ sâu xa, nhà văn ở miền núi, gắn kết, ruột rà với núi đá quả thật là một đời sống kỳ thú. Núi luôn là trang sách mở. Nhà văn ở

<sup>7</sup> Y Phương (2009). *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm*. Nxb. Phụ nữ, tr.58

<sup>8</sup> Y Phương (2009). *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm*, - Nxb Phụ nữ, tr.151

<sup>9</sup> Y Phương (2009), *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm*. Nxb. Phụ nữ, tr.59

miền núi thường mang mạch nguồn cảm hứng tỏa ra từ tâm hồn của đá, lửa và sương trời. Đó là những chất liệu để mơ, là vật chất của trí tưởng tượng, là hồn cốt, là khởi đầu bản mệnh của thi nhân, văn nhân nơi đây. Đá thâm trầm, tĩnh lặng ngũ sắc, kết tụ âm dương. Lửa hóa thân, nâng đỡ, giữ gìn, là mũi tên chọc thẳng lên trời, định hình nhân cách, nóng ấm ngay cả khi gió bạt, “không nói lời cong” ngay cả khi gió bạt. Sương trời băng lắng bao bọc những quăng lặng, giữ gìn những quăng lặng, sẽ bay bổng cùng hiện thực thẳng hoa. Hai tập tản văn đều đầy ắp nỗi đau, nó luôn quay về, luôn đau đáu trong cuộc hành hương tinh thần mang tính định mệnh. Cây đàn tính cũng là một biểu tượng: Bản thân tác giả có lần đã tự so sánh mình với cây đàn tính của dân tộc Tày: “Cây đàn này đâu phải cây đàn/ Bầu nước mắt trăm năm cười khóc/ Cây đàn này đâu phải cây đàn/ Bọc sinh nở lời chào li biệt/ Vụt đứng lên cây đàn diu dặt/ Đi như thế cho đến ngày nhắm mắt/ Ngôn ngữ cổ còn vài câu tích tịch/ Hãy gảy lên ở bất cứ nơi nào” (*Đàn tính*). Ngòi bút của ông cũng là một cây đàn trong ý nghĩa biểu tượng của nó. Đó là cây đàn bao giờ cũng cất lên những thanh âm thành thật, gan ruột từ tận đáy lòng. Và người đọc sẽ được lắng nghe từ đó những lời tâm tình thủ thi ngọt ngào về tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, tình đất tình người đầm ấm mặn mà. Cũng có khi, người ta lắng lòng nghe thấy những thanh âm mộc mạc trầm đục như bước chân chắc chắn, như nhịp lao động lạnh hiên của những người đồng rừng. Đôi khi lại là những huyền lý mượt mà của điệu hát *Woàng dzà* hay điệu thơ *Phong shư*.

Sau đó là sự giao thoa, hòa hợp giữa các thể loại văn học. Trong cái nhìn cởi mở và đồng điệu của bạn đọc, tản văn gần gũi với báo chí hơn văn chương. Xét về thẩm mỹ, tản văn đứng giữa thơ và truyện ngắn. Tản văn không kén đọc giả, vì tản văn không đòi hỏi ở người tiếp nhận khả năng tách bóc ngôn ngữ như đọc thơ, và cũng không đòi hỏi ở người tiếp nhận khả năng lý giải tình tiết như đọc truyện ngắn. Có thể vì thế mà các tác giả có thể tự do tung tủy đi về giữa các vùng giao thoa, dễ thấy nhất là những tản văn luôn bật chế độ chấp nhận sự sáp nhập của thơ ca. Trước khi được gọi là nhà văn, Y Phương đã là một nhà thơ nổi danh với nhiều giải thưởng đáng trân trọng. Đọc tập tản văn *Tháng giêng - Tháng giêng, một vòng dao quắm* của nhà thơ Y Phương, người đọc bị hấp dẫn bởi nhiều lẽ. Cách nhìn, cách cảm, cách nói của một nhà thơ tài hoa làm toát lên cái lung linh, kì diệu của ngôn từ; cái ấm áp nồng nàn của tình người, cái long lanh của cuộc đời muôn mặt. Là một nhà thơ Tày thành danh, Y Phương từng nhận được Giải thưởng nhà nước với những câu thơ xao xuyến viết về vẻ đẹp người miền ngược: “Bàn tay mềm ra suối mọc thành cây/Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp”. Rồi núi về phổ sinh sống, Y Phương như một cánh chim khắc khoải đêm ngày nhớ nhung đại ngàn gió chuyển mây bay. Thi ca trầm bổng vẫn điệu không thể giúp ông mở lòng mở dạ với nơi chôn nhau cắt rốn. Y Phương chọn tản văn để chia sẻ thảo thức của mình. Và thật sự, tập tản văn *Tháng giêng, tháng giêng một vòng dao quắm* không khác gì những bài thơ mà Y Phương từng tin cậy: “Câu hát thiêng liêng lắm chứ/ Hát bây giờ còn để hát mai sau”. Có lúc Y Phương cao hứng, tung tủy ý tứ theo bút pháp nhà thơ: “Thời gian được làm bằng tóc của người. Thời gian được làm bằng mùi hương của cây trong vườn, ngoài rừng. Thời gian được làm bằng đôi chân của nắng, mưa, sương, gió. Bằng đôi mắt, đôi tai của núi cao sông dài. Bằng những luống cày lật đất thơm cho đồng ruộng. Thời gian âm thầm chảy như nước. Không thể lấy bất cứ cái gì ngăn chặn... Nhưng, những người dân quê tôi biết làm chậm thời gian lại bằng nhiều cách. Cách phổ thông nhất là

vùi đầu vào trong chăn bông vải chàm mà ngủ. Người Tày cổ xưa có câu khuyên dụ “*slíp ám nửa cây ton bầu táng đũa nòn rắp rủng*” (mười miếng thịt gà thiên không bằng giấc ngủ)”<sup>10</sup>.

### 3. KẾT LUẬN

Dù viết về vấn đề gì thì sau mỗi tản văn đều bộc lộ tâm sự của người viết và đọng lại trong lòng người đọc những băn khoăn về bao nghịch lý trong xã hội. Điều này khá dễ hiểu vì tản văn vừa cập nhật, gợi mở nhiều vấn đề đương thời như báo chí lại vừa thể hiện tinh thần nghệ thuật, thể hiện cái tôi đầy suy tư của nhà văn trước những bức bối về đời sống. Sau những trang viết về văn hóa phong tục, truyền thống của quê hương mình là bóng dáng đầy ngẫm ngợi của Y Phương trước câu hỏi về cái còn – mất, được – mất của văn hóa Tày Nùng trong hiện tại. Tất nhiên văn hóa phong tục không phải yếu tố bất biến. Nếu như có sự thay đổi, mất mát thì đó cũng là quy luật. Nhưng trách nhiệm của mỗi người bắt đầu từ nhận thức sau đó tới hành động giữ gìn, bảo vệ, phát triển hoặc kiểm tìm giá trị tích cực hơn để thay thế. Tôi từng có một cuộc trò chuyện nhỏ với nhà thơ trong căn phòng nhỏ thuộc khu tập thể ở Thanh Xuân (Hà Nội). Trong câu chuyện, ông nói nhớ quê ghê gớm, cảm thấy khỏe là cuối tháng lại ngược từ Hà Nội về căn nhà đá của cha mẹ trên Cao Bằng, về để “sạc đầy năng lượng” rồi quay lại Hà Nội làm việc. Thốt nhiên tôi nhớ *Có một kẻ rời bỏ thành phố* của nhà văn Nguyễn Quang Thiều. Những cây bút lớn này giống nhau ở điểm họ tìm thấy nguồn năng lượng tích cực từ văn hóa cội nguồn được cất giữ ở quê hương – vùng đất họ sinh ra. Con chữ viết ra cho thấy nhớn giới của họ nhìn thấu sức mạnh văn hóa dân tộc. Tản văn của Y Phương đang làm công việc ghi lại, quảng bá và đánh thức nhận thức của “*người đồng mình*” theo nghĩa rộng lớn nhất về bản sắc văn hóa một vùng đất với mong muốn chúng ta đừng vì mãi miết mở cửa, hội nhập mà đánh mất bản sắc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Y Phương (2009). *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm*. Nxb. Phụ nữ.
2. Y Phương (2010). *Kungfu người Co Xâu*. Nxb. Phụ nữ.
3. Y Phương (2016). *Fìn Nèn – Cùi tết*. Nxb. Phụ nữ.

### A CORNER OF TAY - NUNG CULTURE IN Y PHƯƠNG'S ESSAYS

**Abstract:** *A big theme in Vietnamese literature is writing about ethnic cultures and this topic has been explored by many authors. Writing about national culture, for an author is a way to participate in protecting the existence of culture, and at the same time to show the writer's responsibility to his country. Y Phuong believes that "the essays is a time to rest when you stop composing poetry" but it is the poet's essays written about the native culture that have given readers a channel of information about the Tay Nung culture.*

**Keywords:** *Y Phuong's essays, Tay Nung culture, Tet holiday, cuisine, beliefs.*

<sup>10</sup> Y Phương (2009). *Tháng giêng- Tháng giêng... một vòng dao quắm*. Nxb. Phụ nữ, tr.129